

Số: 902 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Cựu giáo chức Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 58/TTr-SNV ngày 21/3/2023 và Công văn số 742/SNV-TCBC ngày 29/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu giáo chức Nghệ An đã được Đại hội đại biểu lần thứ IV, nhiệm kỳ 2022 - 2027 thông qua.

(Có Điều lệ kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức Nghệ An (sửa đổi).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Hội Cựu Giáo chức Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- PCT TTr, VX UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (2b);
- Công an tỉnh (PA03);
- Lưu VT, TH (T).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI CỰU GIÁO CHỨC NGHỆ AN

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Cựu giáo chức Nghệ An.
- Tên viết tắt: Hội CGC Nghệ An.
- Biểu tượng: Là biểu tượng của Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Cựu giáo chức Nghệ An (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của cựu nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức trong các trường học, các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục (gọi chung là cựu giáo chức) tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, năng lực trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo, tiếp tục hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Hội Cựu giáo chức Nghệ An là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và thành viên của Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 07, ngõ 01, đường Yên Bình, khối Trường Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Nghệ An, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An và các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; được sự bảo trợ của Công đoàn Giáo dục Nghệ An.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mỗi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp các với cơ quan, các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm công dân Việt Nam là cựu giáo chức, có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên: Cựu giáo chức không vi phạm pháp luật nhà nước.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên theo mẫu do Trung ương Hội Cựu giáo chức Việt Nam ấn hành và quy định việc cấp phát, quản lý.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Cá nhân vào Hội phải tự nguyện viết đơn gia nhập Hội. Ban Chấp hành hội cơ sở xem xét, quyết định kết nạp hội viên.
2. Khi hội viên ra khỏi Hội phải tự mình đề nghị và được Ban Chấp hành hội cơ sở đồng ý.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Thường trực.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng.
7. Các tổ chức thuộc Hội.
8. Hội Cựu giáo chức Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An và Hội Cựu giáo chức Trường Đại học Kinh tế Nghệ An là Hội Cựu giáo chức cơ sở trực thuộc Hội.
9. Hội Cựu giáo chức các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là Hội Cựu giáo chức cấp huyện) tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập được Hội

công nhận là hội thành viên. Hội Cựu giáo chức các xã, phường, thị trấn là Hội Cựu giáo chức cơ sở (gọi tắt là Hội Cựu giáo chức cấp xã) tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập được Hội Cựu giáo chức cấp huyện công nhận là hội thành viên của hội cấp huyện đó.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội.

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua Nghị quyết đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 1 đến 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Ban Chấp hành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ 6 tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Ban Chấp hành hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Ban Chấp hành.

Điều 16. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giải quyết các công việc hàng ngày giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ; chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; được Ban Thường vụ ủy quyền quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ.

b) Giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung, triệu tập các cuộc họp của Ban Chấp hành và thực hiện báo cáo các mặt công tác theo định kỳ hoặc đột xuất với cơ quan cấp trên, cơ quan liên quan.

c) Thay mặt Ban Thường vụ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hội thành viên, hội trực thuộc, tổ chức thuộc Hội triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội.

d) Quyết định các vấn đề về tổ chức, nhân sự, khen thưởng, kỷ luật của Hội khi được Ban Thường vụ ủy nhiệm.

e) Thay mặt Ban Chấp hành và Ban Thường vụ trong các quan hệ đối nội, đối ngoại của Hội.

g) Quản lý tài chính, tài sản của Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực và các

quy chế của Hội trong hoạt động của các hội thành viên, hội trực thuộc và tổ chức thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành

1. Chủ tịch Ban Chấp hành là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Ban Chấp hành do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ban Chấp hành:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế của Ban Chấp hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; Nghị quyết đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Thường trực.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Ban Chấp hành vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Ban Chấp hành.

3. Phó Chủ tịch Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Ban Chấp hành do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng hội

1. Tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của Văn phòng hội do Ban Thường vụ phê duyệt. Nhân viên của Văn phòng làm việc theo chế độ hợp đồng hoặc kiêm nhiệm theo quy định của Ban Thường vụ.

2. Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do Chánh Văn phòng dự trù trình Ban Thường trực phê duyệt (trong kế hoạch tài chính của Hội).

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên.
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi hoạt động của Văn phòng Hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chi khen thưởng và khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.



3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Các tổ chức hội, tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Các tổ chức hội, tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Hội; trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Cựu giáo chức Nghệ An mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Cựu giáo chức Nghệ An gồm 8 chương, 26 điều đã được Đại hội đại biểu Hội Cựu giáo chức Nghệ An lần thứ IV, nhiệm kỳ 2022 - 2027 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại thành phố Vinh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Cựu giáo chức Nghệ An có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.